

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018 /HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2018

V/v tranh chấp “ ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**.

2/ Bà **Lý Thị Bé Năm**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay không tham gia phiên tòa.

Ngày 02/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân ia đình thụ lý số 126/2018/TLST- HNGĐ ngày 12/4/2018 về việc “ ly hôn ” theo quyết định xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Ông Trần L, sinh 1960. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã C, Tiền Giang.

Bị đơn : Bà Phạm Thị Bé C, sinh 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư A, xã B, thị xã C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần L trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị Bé C tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Cai Lay, Tiền Giang. Hai người chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bà C thường hay nói xấu, vu khống ông mà không có cơ sở. Hai người cũng đã ly thân, không còn sống chung nhà và không còn quan tâm nhau. Ông cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị Bé C trình bày :* Bà không đồng ý ly hôn với ông L vì bà không có lỗi, ông L thường có những hành vi, lời lẽ xúc phạm danh dự của bà và con gái bà, nếu làm rõ để trả lại sự trong sạch cho bà và con gái bà thì bà đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 24/2015, Quyền số 01/2014 và đơn khởi kiện, lời trình bày của ông Trần L và bà Phạm Thị Bé C thì ông L và bà C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang nên quan hệ giữa ông L và bà C được pháp luật công nhận là vợ chồng, ông L khởi kiện bà C về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Ông L và bà C, từ khi kết hôn với nhau, hai người chung sống không hạnh phúc do thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, ông L và bà C cũng đã ly thân với nhau, không ai còn quan tâm, chăm lo cho nhau. Ông L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà C. Bà C thì không đồng ý ly hôn và bà cho rằng vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng bà không có lỗi, bà cũng không có đưa ra giải pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ mặc dù mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu, bà cũng đồng ý ly hôn nhưng ông L phải trả lại sự trong sạch cho bà và con gái bà. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, ông L và bà C tuy thời gian kết hôn ngắn nhưng cuộc sống của hai người không hạnh phúc và mâu thuẫn kéo dài, thực tế hai người không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm nhau, khả năng hàn gắn không còn. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà C và ông L là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn là ông Trần L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần L.

Ông Trần L được ly hôn với bà Phạm Thị Bé C.

Về con chung: Không xem xét

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trần L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông L đã nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001476 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Ông L, bà C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND phường 2, TX.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng